

Bản án số: 27 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 7 năm 2023
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải
2. Ông Trần Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Không tham gia phiên tòa

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2023 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐHPT – ST ngày 28/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị C, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị C có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Dương Văn M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Chị Dương Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn M tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2009. Anh chị có được hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối gì, sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên

nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng nhau, nên chị đề nghị xin ly hôn với anh Dương Văn M, để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Dương Minh Q, sinh ngày 08/11/2010 và Dương Gia L, sinh ngày 10/11/2016. Hiện các con đang sống ổn định cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung vì Anh M không có điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc các con. Chị không yêu cầu Anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Không có

Bị đơn Anh Dương Văn M, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh và chị Dương Thị C tự nguyện kết hôn và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2009. Anh chị có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối gì, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 5 năm 2022 Chị C giận dữ mang con về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn Chị C suy nghĩ lại để vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nuôi dạy chăm sóc con, để cho các con có bố, có mẹ.

Về con chung: Anh M xác định vợ chồng có hai con chung là Dương Minh Q, sinh ngày 08/11/2010 và Dương Gia L, sinh ngày 10/11/2016. Trường hợp phải ly hôn anh tôn trọng nguyện vọng của các con. Do các con muốn ở với mẹ nên anh đồng ý giao cả hai con cho Chị C nuôi dưỡng. Anh sẽ có trách nhiệm với các con sau.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã kiên trì hòa giải, tạo điều kiện cho các đương sự có thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Dương Thị C và Anh Dương Văn M kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 51/2009 ngày 28/9/2009. Vì nhiều nguyên nhân, nay Chị Dương Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với Anh Dương Văn M có nơi cư trú tại Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự tham gia tố tụng của đương sự: Ngày 28/6/2023 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn anh Dương Văn M mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐHPT- ST ngày 28 /6/2023 và đồng thời tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị C và Anh Dương Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do Chị C xin ly hôn với Anh Dương Văn M là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu. Nay Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị xin ly hôn Anh M. Trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa, Anh M cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, hiện vợ chồng đang sống ly thân, anh mong muốn Chị C suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cho các con có bố, có mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng Chị C và Anh M đã diễn ra trong một thời gian dài, không hòa hợp hàn gắn được. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Chị C vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với Anh M, phía Anh M không nhất trí ly hôn nhưng anh cũng không đưa ra được phương án nào để thuyết phục Chị C về đoàn tụ gia đình. Hiện tại vợ chồng vẫn đang sống ly thân. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng Chị C, Anh M đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên cần chấp nhận yêu cầu của Chị C, cho Chị C được ly hôn với Anh M là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị C và Anh M có 02 con chung là cháu Dương Minh Q, sinh ngày 08/11/2010 và Dương Gia L, sinh ngày 10/11/2016. Khi ly hôn Chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung vì Anh M không có điều kiện để

nuôi dưỡng các con tốt, hiện các con đang sống ổn định cùng chị, chị không muốn làm sáo trộn cuộc sống của các con. Tại các phiên hòa giải Anh M trình bày, trường hợp phải ly hôn, anh cũng nhất trí giao các con cho Chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do vậy, cần giao cho Chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Dương Minh Q, sinh ngày 08/11/2010 và Dương Gia L, sinh ngày 10/11/2016 là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về công nợ chung: Chị C và Anh M đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị C phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Dương Thị C, cho Chị C được ly hôn với Anh Dương Văn M.

2. Về con chung: Giao cho Chị Dương Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Dương Minh Q, sinh ngày 08/11/2010 và Dương Gia L, sinh ngày 10/11/2016 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003160 ngày 14 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Chị C báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy